

ĐÁNH GIÁ ĐẤT ĐAI PHỤC VỤ TÁI CƠ CẤU NÔNG NGHIỆP Ở HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

NGUYỄN HỮU NGŨ¹; DƯƠNG QUỐC NŨN¹; LÊ HỮU NGỌC THANH¹,
NGUYỄN THỊ HẢI¹; NGUYỄN BÍCH NGỌC¹; VÕ KHẮC SƠN²

¹Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế

²Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Bình

1. Đặt vấn đề

Đất đai là một trong ba nguồn lực cơ bản của các hoạt động kinh tế, là tư liệu sản xuất chủ yếu và đặc biệt trong sản xuất nông nghiệp (Meyer W.B. and Turner B.L.II, 1996). Trong quá trình phát triển lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, vấn đề sử dụng đất hợp lý phải được đặt lên hàng đầu. Chuyển đổi mục đích sử dụng đất trong sản xuất nông nghiệp đều có những yêu cầu nhất định mà đất đai cần phải đáp ứng. Xã hội càng phát triển, dân số tăng nhanh kéo theo những đòi hỏi ngày càng tăng về lương thực thực phẩm, chỗ ở cũng như các nhu cầu về văn hóa, xã hội.

Tái cơ cấu nông nghiệp và phát triển nông thôn luôn là chủ trương và mối quan tâm hàng đầu của Chính phủ và các địa phương trong quá trình phát triển đất nước. Các địa phương đã mạnh dạn điều chỉnh kế hoạch thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp nhằm phù hợp hơn với tình hình thực tế, trong đó lấy nông dân là trọng tâm, doanh nghiệp là động lực của đề án tái cơ cấu, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững ngành nông nghiệp (Nguyễn Hoàng Anh, 2020).

Lệ Thủy là một huyện đồng bằng thuộc tỉnh Quảng Bình. Phía Nam giáp huyện Vĩnh Linh (thuộc tỉnh Quảng Trị), phía Bắc giáp huyện Quảng Ninh (thuộc tỉnh Quảng Bình), phía Tây giáp nước CHDCND Lào, phía Đông giáp Biên Đông. Hiện nay, cán bộ và Nhân dân toàn huyện đang nỗ lực thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp, nhằm thực hiện mục tiêu tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa chất lượng cao mang tính đặc trưng, lợi thế của mỗi vùng, miền; qua đó tạo động lực, tiếp sức cho các địa phương xây dựng nông thôn mới bền vững.

Để xem xét khả năng thích hợp của đất đai với những loại hình sử dụng đất khác nhau nhằm cung cấp những thông tin về thuận lợi và khó khăn của việc sử dụng đất, làm căn cứ cho việc đưa ra những quyết định sử dụng đất một cách hợp lý, thì công tác đánh giá đất đai là hết sức quan trọng. Đây sẽ là cơ sở khoa học và thực tiễn để đưa ra phương án định hướng sử dụng đất đai bền vững.

2. Lấy mẫu đất và phân tích

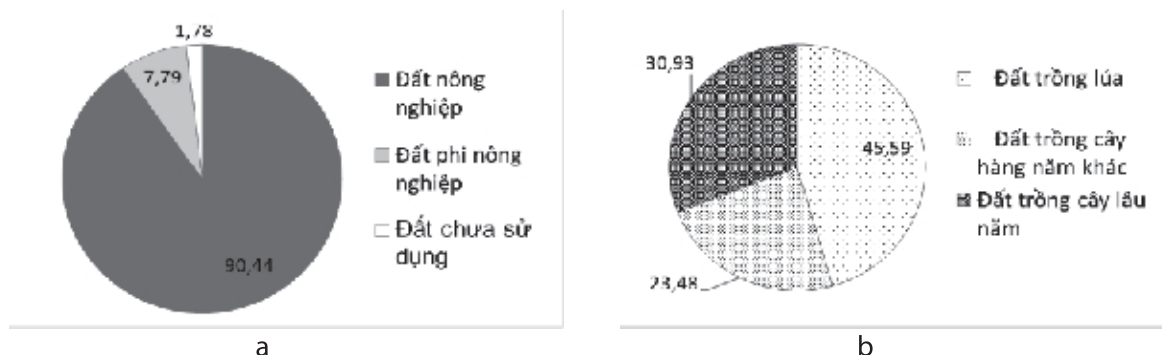
Để đánh giá độ phì của đất sản xuất nông nghiệp, nhóm nghiên cứu đã tiến hành lấy mẫu đất để phân tích 6 chỉ tiêu: thành phần cơ giới (phương pháp Pipet theo TCVN 8567-2010), độ chua của đất pH_{KCL} (theo TCVN 5979-2007), kali tổng số ($K_2O\%$) (theo phương pháp quang kế ngọn lửa TCVN 8660-2011), đạm tổng số ($N\%$) (theo phương pháp Kjeldahl TCVN 6498-1999), lân tổng số ($P\%$) (theo phương pháp so màu TCVN 8940-2011), hàm lượng mùn (chất hữu cơ tổng số $OM\%$, theo phương pháp Walkley-Black TCVN 9294-2012). Số lượng mẫu tối thiểu căn cứ theo quy chuẩn của Bộ Tài nguyên và Môi trường về điều tra đánh giá đất, thoái hóa đất tại Thông tư 14/2012/TT-BTNMT. Cụ thể, tổng số điểm điều tra ở vùng đồi núi là 480 ha/1 điểm và ở vùng đồng bằng là 240 ha/1 điểm. Qua tính toán, số lượng mẫu được thu thập là 74 mẫu, trong đó có 62

mẫu ở vùng đồng bằng ven biển, 12 mẫu ở vùng trung du và miền núi. Toàn bộ các mẫu được lấy trên đất sản xuất nông nghiệp (lúa, màu).

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Khái quát tình hình sản xuất nông nghiệp tại huyện Lệ Thủy

Hình 1: Cơ cấu (%) các loại đất (a) và cơ cấu (%) các loại đất trong đất sản xuất nông nghiệp (b) của huyện Lệ Thủy



Nguồn: Báo cáo thống kê đất đai huyện Lệ Thủy năm 2019

Tổng diện tích đất nông nghiệp của huyện Lệ Thủy là 126.773,09ha, chiếm 90,44% tổng diện tích đất tự nhiên của huyện. Diện tích đất nuôi trồng thủy sản của huyện là 391,4ha, chỉ chiếm 0,3% trong tổng diện tích đất nông nghiệp.

Bảng 1: Diện tích các loại đất thuộc nhóm đất nông nghiệp của huyện

Loại đất	Diện tích (ha)
Đất nông nghiệp	126.773,09
Đất sản xuất nông nghiệp	24.023,4
Đất lâm nghiệp	102.293,6
Đất nuôi trồng thủy sản	391,4
Đất nông nghiệp khác	64,7
Đất làm muối	0

Nguồn: Báo cáo thống kê đất đai huyện Lệ Thủy năm 2019

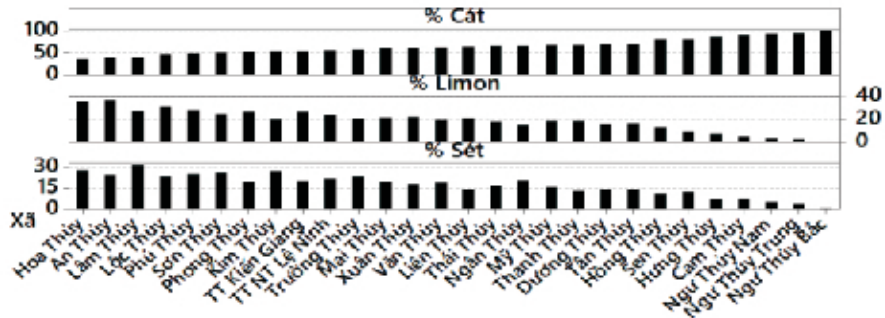
Trong nhóm đất nông nghiệp, tổng diện tích đất sử dụng cho sản xuất nông nghiệp là 24.023,4ha, trong đó diện tích đất trồng lúa là lớn nhất với 45,59%, tiếp theo là diện tích đất trồng cây lâu năm với tỷ lệ là 30,93% và còn lại là diện tích đất trồng cây hàng năm khác với 23,48%.

3.2. Đánh giá độ phì đất sản xuất nông nghiệp huyện Lệ Thủy

- Thành phần cơ giới

Thành phần cơ giới của đất sản xuất nông nghiệp tại huyện Lệ Thủy (hình 2) có những đặc điểm như sau: tỷ lệ hạt limon và sét có tính tương đồng với nhau ở tất cả các xã, thị trấn. Khu vực có thành phần cơ giới nặng tập trung tại các xã Lâm Thủy, Kim Thủy, Sơn Thủy, Hoa Thủy, An Thủy, Lâm Thủy. Khu vực có thành phần cơ giới nhẹ chủ yếu tập trung vùng ven biển như xã Ngự Thủy Bắc, Ngự Thủy Trung, Ngự Thủy Nam, Cam Thủy, Hưng Thủy, Sen Thủy. Có thể thấy, thành phần cơ giới đất trên địa bàn huyện khá đa dạng, có thể phù hợp với nhiều loại cây

Hình 2: Đặc điểm thành phần cơ giới của đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Lệ Thủy



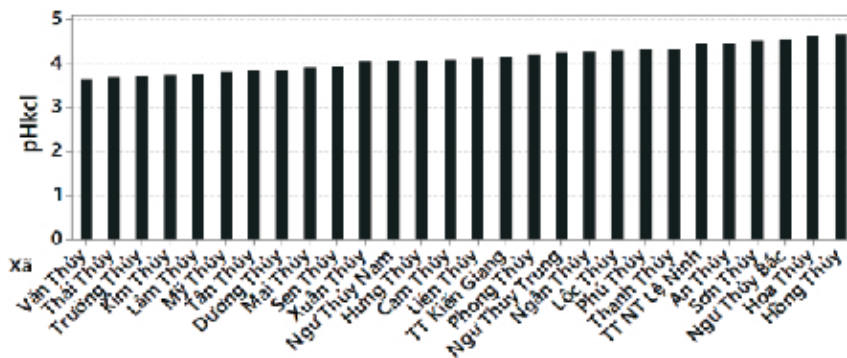
trồng khác nhau.

Nguồn: Nhóm tác giả, 2020

- Độ chua của đất pH_{KCL}

Kết quả số liệu hình 3 cho thấy, độ chua (pH_{KCL}) của đất sản xuất nông nghiệp dao động từ 3,6 đến 4,8. Các xã có pH_{KCL} thấp gồm các xã Lâm Thủy, Văn Thủy, Thái Thủy, Trường Thủy, Kim Thủy.

Hình 3: pH_{KCL} của đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Lệ Thủy

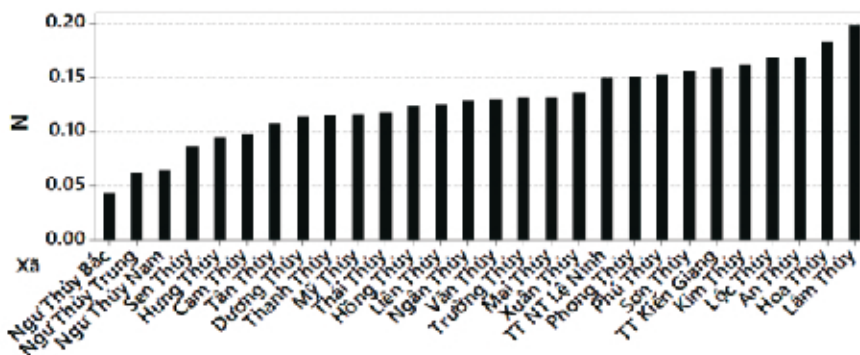


Nguồn: Nhóm tác giả, 2020

Nhìn chung, đất đai của huyện Lệ Thủy có độ pH từ rất chua đến ít chua thuộc cấp độ pH_2 , pH_3 trong bảng phân cấp độ chua của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tại Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT về kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai.

- Kali tổng số $K_2O\%$

Hình 4: Hàm lượng K_2O (%) trong đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Lệ Thủy

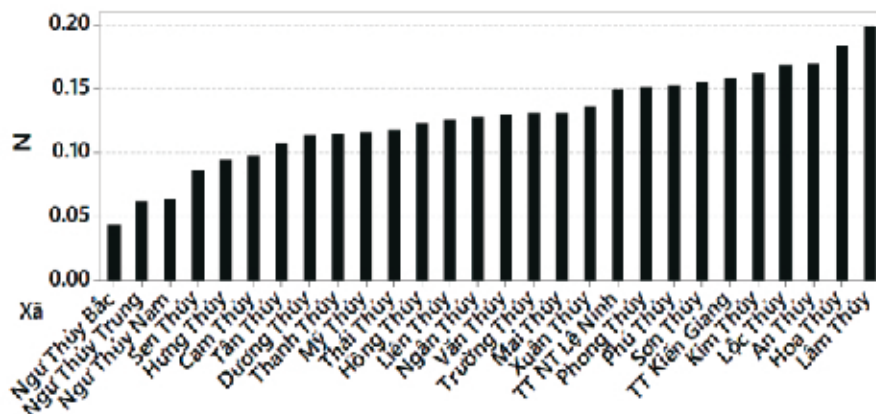


Nguồn: Nhóm tác giả, 2020

Hàm lượng kali (K_2O) trong đất sản xuất nông nghiệp tại huyện Lệ Thủy phần lớn dưới ngưỡng 1%, ngoại trừ các xã Hoa Thủy, Kim Thủy, Lâm Thủy cao hơn 1% nhưng không quá ngưỡng 2%. Đối chiếu với bảng phân cấp kali tổng số của Bộ Tài nguyên và Môi trường, kali trong đất sản xuất nông nghiệp của huyện ở mức từ trung bình đến nghèo.

- *Đạm tổng số N%*

Hình 5: Hàm lượng đạm N (%) trong đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Lệ Thủy

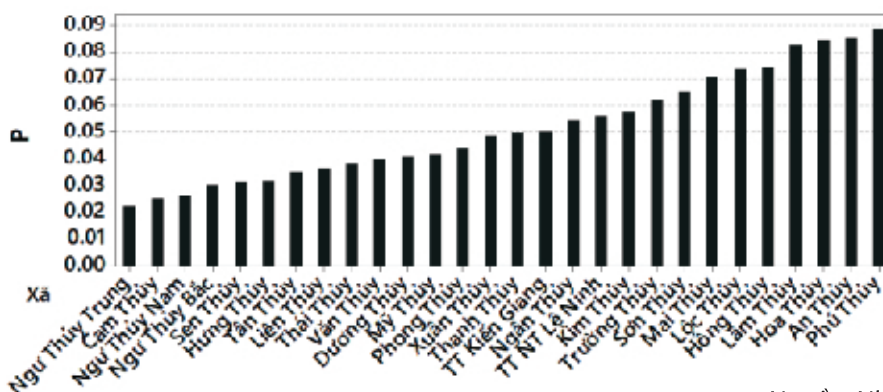


Nguồn: Nhóm tác giả, 2020

Qua số liệu hình 5 cho thấy, hàm lượng đạm (N) trong đất sản xuất nông nghiệp tại huyện Lệ Thủy dao động từ trên 0,05% đến ngưỡng 0,2%. Tỷ lệ đạm cao nhất ở tại xã Lâm Thủy, Hoa Thủy và thấp nhất tại các xã như Ngự Thủy Bắc, Ngự Thủy Trung, Ngự Thủy Nam. Theo phân cấp của Bộ Tài nguyên và Môi trường, đạm trong đất sản xuất nông nghiệp của huyện Lệ Thủy ở ngưỡng từ trung bình đến nghèo.

- *Lân tổng số P%*

Hình 6: Hàm lượng lân P (%) trong đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Lệ Thủy

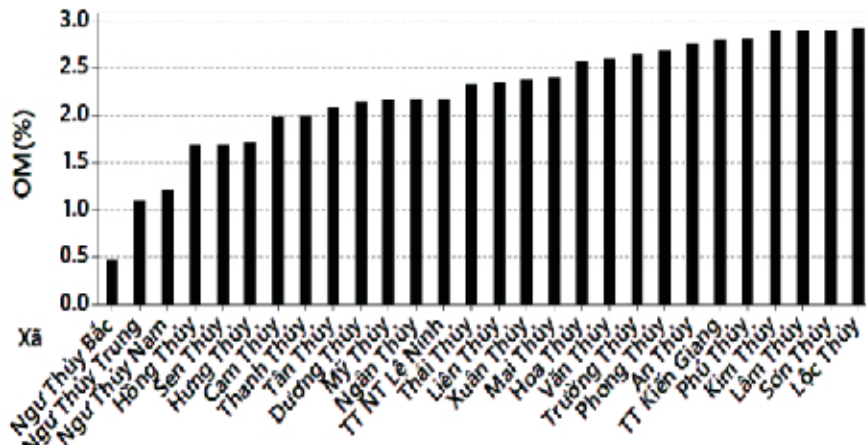


Nguồn: Nhóm tác giả, 2020

Kết quả số liệu hình 6 cho thấy, hàm lượng lân (P) trong đất sản xuất nông nghiệp tại huyện Lệ Thủy dao động từ trên 0,02% đến 0,09%. Tỷ lệ hàm lượng lân thấp nhất tại các xã Ngự Thủy Trung, Cam Thủy và cao nhất ở các xã như Phú Thủy, An Thủy, Hoa Thủy. Theo phân cấp của Bộ Tài nguyên và Môi trường, hàm lượng lân trong đất sản xuất nông nghiệp của huyện Lệ Thủy ở ngưỡng từ trung bình đến nghèo.

- Hàm lượng mùn

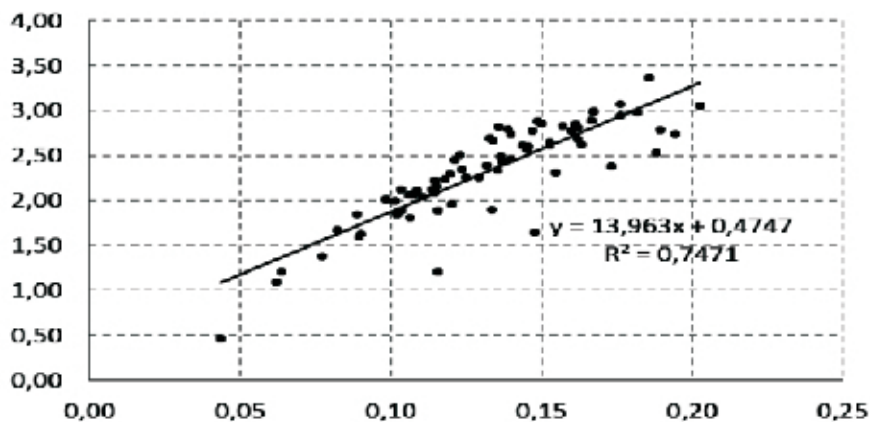
Hình 7: Hàm lượng mùn (%) trong đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Lệ Thủy



Nguồn: Nhóm tác giả, 2020

Kết quả ở hình 7 cho thấy, hàm lượng mùn trong đất sản xuất nông nghiệp tại huyện Lệ Thủy dao động từ trên 0,5% đến 3,5%. Tỷ lệ hàm lượng mùn cao nhất tại các xã Lộc Thủy, Sơn Thủy, Lâm Thủy, Kim Thủy và thấp nhất tại các xã Ngự Thủy Bắc, Ngự Thủy Trung, Ngự Thủy Nam. Theo phân cấp của Bộ Tài nguyên và Môi trường, hàm lượng mùn trong đất sản xuất nông nghiệp

Hình 8: Tương quan giữa đạm tổng số (N) với hàm lượng mùn (OM%) trong đất sản xuất nông nghiệp huyện Lệ Thủy



Nguồn: Nhóm tác giả, 2020

của huyện Lệ Thủy ở ngưỡng từ trung bình đến nghèo.

Kết quả ở hình 8 cho thấy, giữa hàm lượng mùn và đạm tổng số có mối liên hệ khá chặt chẽ. Do vậy, để cải thiện đạm tổng số trong đất, có thể tăng cường chất hữu cơ cho đất để tăng hàm lượng mùn. Mối liên hệ giữa hàm lượng mùn với các chỉ tiêu còn lại như lân, kali, pH_{kcl} là không đáng kể.

4. Kết luận

Huyện Lệ Thủy có đất sản xuất nông nghiệp khá lớn với diện tích 24.023,4ha. Trong đó, đất trồng lúa là lớn nhất với 45,59%, tiếp theo là diện tích đất trồng cây lâu năm với tỷ lệ là 30,93% và

còn lại là diện tích đất trồng cây hàng năm khác 23,48%.

Đất cho mục đích sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện có thành phần cơ giới khác nhau giữa các vùng, thuận lợi trong việc đa dạng hóa cây trồng. Tuy nhiên, các chỉ tiêu khác về độ phì khá thấp, dao động từ ngưỡng trung bình đến nghèo theo phân cấp của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá đất đai, đặc biệt là các xã vùng ven biển.

Từ kết quả nghiên cứu cho thấy, việc cải tạo đất, chế độ bón phân, phục hồi độ phì đất trong quá trình sản xuất nông nghiệp phải cần được hết sức chú ý để đảm bảo ổn định và nâng cao năng suất, sản lượng cây trồng cho các xã.

Chính quyền địa phương nên xem xét kỹ lưỡng kết quả này để lựa chọn được cây trồng phù hợp, đem lại hiệu quả cao hơn cho hoạt động sản xuất nông nghiệp tại huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, phục vụ tái cơ cấu nông nghiệp của huyện trong thời gian tới ■

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2015. Thông tư 60/2015/TT-BTNMT ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai.
2. Meyer W.B. and Turner B.L.II (1996), Land-Use/Land-Cover Change: Challenges for Geographer. *Geojournal* 39 (3), 237-240.
3. Nguyễn Hoàng Anh, 2020. Phân tích tình hình thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Bến Tre theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. *Tạp chí Công thương*, số 12, tháng 5 năm 2020.
4. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Lệ Thủy, 2020. *Báo cáo thống kê đất đai năm 2019*.
5. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5979:2007 (ISO 10390 : 2005) về chất lượng đất - xác định pH.
6. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8567:2010 về chất lượng đất - phương pháp xác định thành phần cấp hạt.
7. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8660:2011 về chất lượng đất - phương pháp xác định kali tổng số.
8. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8940:2011 về chất lượng đất - xác định phospho tổng số - phương pháp so màu.
9. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9294:2012 về phân bón - xác định cacbon tổng số bằng phương pháp Walkley - Black.
10. Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6498:1999 (ISO 11261 : 1995) về chất lượng đất - xác định nitơ tổng - phương pháp Kjedahl (Kjeldahl) cải biên do Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ban hành.
11. UBND huyện Lệ Thủy, 2020. Giới thiệu chung. Xem website: <https://lethuy.quangbinh.gov.vn/3cms/gioi-thieu-chung-24513.html>. Truy cập ngày 15/9/2020.

*Chín một Xuân long lũy Đảng kỳ đường tranh đấu rộn ràng quân hành khúc
Bảy sáu Tết huy hoàng Tổ quốc nhạc khải hoàn vang dội cuộc trường chinh.*

PHAN THANH TỊNH